Tập 198

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm lẻ một, phần này nói về Thập Nhị Nhân Duyên, tức là sự tu chứng của bậc Duyên Giác.

(Diễn) Thúc chi bất xuất Tứ Đế giả, nhược Lưu Chuyển Môn, Vô Minh, Ái, Thủ tam chi thị Phiền Não Đạo, Hành, Hữu nhị chi thị Nghiệp Đạo, thử ngũ chi vi Tập Đế, Thức, Danh Sắc đẳng thất chi vi Khổ Đế.

(演)束之不出四諦者，若流轉門，無明愛取三支是煩惱道，行有二支是業道，此五支為集諦，識名色等七支為苦諦。

***(Diễn**: "Tóm lại, chẳng ra ngoài Tứ Đế": Nếu xét theo Lưu Chuyển Môn, ba chi Vô Minh, Ái, Thủ là Phiền Não Đạo, hai chi Hành và Hữu là Nghiệp Đạo. Năm chi này là Tập Đế, bảy chi Thức, Danh Sắc v.v... là Khổ Đế).*

Tuy Thập Nhị Nhân Duyên nói khá tỉ mỉ, nhưng quy nạp lại, vẫn chẳng ra ngoài Tứ Đế. Tứ Đế là nói tới Khổ, Tập, Diệt, Đạo, trong Tập Đế là khởi Hoặc, tạo nghiệp. Vô Minh là phiền não trong quá khứ, Ái và Thủ là phiền não trong hiện tại. Ba chi này đều thuộc về phiền não, nên quy nạp vào Hoặc, Nghiệp, Khổ thì [ba chi ấy] là mê hoặc. Do mê hoặc nên mới có [quả báo là Khổ]. Ở đây, chúng ta phải đặc biệt ghi nhớ, Vô Minh là chuyện thuộc đời quá khứ, chẳng thể làm gì được! Hiện thời, nếu sanh lòng tham ái hết thảy các pháp, nếu mong tưởng chấp trước, giữ lấy, thì chấp trước, giữ lấy là chiếm hữu, phải giác ngộ! Những điều ấy đều là mê hoặc, điên đảo.

Hành là tạo nghiệp trong đời quá khứ, Hữu là hiện tại, tức là tạo nghiệp trong một đời này. Đã có nghiệp, đương nhiên sẽ có quả báo. Hai chi Hành và Hữu là tạo nghiệp. Do vậy có thể biết, chúng ta có dục vọng chiếm hữu, Phật môn nói là tạo nghiệp. Thiện nghiệp có thiện báo, ác nghiệp có ác báo, ác báo là trong ba ác đạo, thiện nghiệp ở trong ba thiện đạo. Nói chung, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi; do đó, chớ nên tạo nghiệp. Không tạo nghiệp, câu này nói dễ dàng quá, thực hiện rất khó! Vì sao? Khởi tâm động niệm đều đang tạo nghiệp, làm thế nào được nữa!

Hết thảy các pháp môn đều nhằm giúp chúng ta đoạn Hoặc, tiêu nghiệp, xuất ly lục đạo luân hồi. Trong hết thảy các pháp môn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, nhanh chóng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, không gì hơn pháp môn Niệm Phật. Trong mười hai thời, chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối, trong tâm tưởng Phật, niệm Phật, hết thảy thời, hết thảy chỗ đều chẳng quên mất câu Phật hiệu này, đấy cũng là đang tạo nghiệp, tạo nghiệp gì vậy? Tạo tịnh nghiệp, tạo nghiệp niệm A Di Đà Phật, kể ra nghiệp ấy cũng khá lắm, vì sao? Trong tam giới lục đạo chẳng có, [tức là] trong ba thiện đạo chẳng có A Di Đà Phật, trong ba ác đạo cũng chẳng có A Di Đà Phật, đó là tịnh nghiệp. Tạo tịnh nghiệp, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trừ con đường này ra, thưa thật cùng quý vị, chúng ta chẳng tìm thấy con đường thứ hai nào dễ đi! Chúng ta phải tạo tịnh nghiệp, nghiệp thiện và ác đều chớ nên tạo. Không chỉ là chớ nên tạo ác nghiệp, mà thiện nghiệp cũng chẳng làm; như vậy thì mới có thể xuất ly.

Vô Minh, Ái, Thủ, Hành, Hữu, năm điều này là Tập Đế. Trừ năm điều ấy ra, bảy điều kia là Khổ Đế. Từ Thức đến Thọ đều là quả báo trong một đời này. Quá khứ tạo nhân, hiện tại lãnh chịu quả. Ái, Thủ, Hữu là tạo nhân hiện tại. Sanh, Lão, Tử là quả báo trong đời sau. Nếu quý vị hỏi lục đạo luân hồi do đâu mà có, thì Thập Nhị Nhân Duyên đã giảng rành mạch, rõ ràng. Điều này được gọi là Lưu Chuyển Môn. Lưu Chuyển là đi theo thứ tự thuận, đó là tạo tác lục đạo luân hồi. Nếu ngược lại thì…

(Diễn) Nhược Hoàn Diệt Môn, diệt tiền Thập Nhị Nhân Duyên chi trí vi Đạo Đế, chứng tịch diệt lý vi Diệt Đế.

(演)若還滅門，滅前十二因緣之智為道諦，證寂滅理為滅諦。

*(**Diễn**: Nếu là Hoàn Diệt Môn, cái trí diệt mười hai nhân duyên trên đây là Đạo Đế, chứng lý tịch diệt là Diệt Đế).*

Quý vị hãy giác ngộ trong chốc lát, vì sao con người có già, chết? Vì có sanh. Chẳng có sanh, sẽ chẳng có già, chết. Sanh có tốt đẹp gì? Hậu quả của sanh là già, chết. Vì sao có sanh? Vì có Thủ. Vì sao có Thủ? Vì có Ái! Quý vị truy ngược lại để tìm nguyên nhân của chúng, đó là trí huệ. Đối với Thập Nhị Nhân Duyên, chỉ cần đoạn một điều trong mười hai điều, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa. Đoạn từ chỗ nào? Thưa cùng chư vị, phải đoạn từ nhân và duyên, chứ đoạn nơi quả chẳng được! Có những kẻ ngu si, cảm thấy cuộc sống rất đau khổ liền tự sát. Tự sát là đoạn nơi quả,

chẳng đoạn được. Đã tự sát, chẳng đầy mấy ngày lại đầu thai, lại sanh ra, vẫn phải luân hồi trong lục đạo! Vì vậy, tự sát chẳng phải là hết chuyện, chẳng thể giải quyết vấn đề. Không chỉ chẳng thể giải quyết vấn đề, mà chỉ càng làm cho vấn đề tệ hại hơn, đời sau chẳng biết sẽ khổ hơn đời này bao nhiêu lần, đừng làm như thế! Phải đoạn từ nơi nhân, [đoạn] từ nơi nhân là đoạn nơi Tập Đế, chứ Khổ Đế chẳng có cách nào đoạn được, [bởi lẽ], Khổ là quả! Đối với Tập, chúng ta biết Vô Minh và Hành thuộc về đời quá khứ, đời quá khứ thì làm sao quý vị có thể đoạn được? Chỉ trong đời hiện tại thì xét trong Thập Nhị Nhân Duyên, đời hiện tại chỉ có ba chi là Ái, Thủ, Hữu. Trong ba chi Ái, Thủ, Hữu, có thể đoạn một chi. Hoặc là quý vị đoạn trừ Ái, đoạn trừ Thủ, đoạn trừ Hữu, đoạn một chi trong ba chi ấy là được, sẽ thoát lìa lục đạo luân hồi. Đó gọi là Hoàn Diệt Môn. Quý vị có trí huệ, biết chân tướng sự thật, biết thực hiện từ chỗ nào, đó là Đạo Đế. Đạo là phương pháp, cửa nẻo, quý vị đã tìm được. Thật sự vượt thoát luân hồi, liễu sanh tử, đó chính là Diệt Đế. Chứng lý tịch diệt là Diệt Đế. Đây là nói rõ Thập Nhị Nhân Duyên chẳng ra ngoài Tứ Đế.

Duyên Giác tuy độ chúng sanh, nói thật ra, chẳng khác A La Hán cho mấy! Ngài chẳng chủ động hóa độ chúng sanh, vẫn là chúng sanh đến cầu Ngài, Ngài mới chịu dạy. Chúng sanh chẳng cầu Ngài, Ngài sẽ chẳng tìm người khác [để dạy bảo], chẳng giống như Bồ Tát là *"bạn chẳng thỉnh"*. Vì thế, Ngài độ chúng sanh chẳng nhiều, mà cũng chẳng rộng. Duyên Giác và Thanh Văn được gọi là Tiểu Thừa. Nếu nói thành ba thừa thì Thanh Văn là Tiểu Thừa, Duyên Giác là Trung Thừa, Bồ Tát là Đại Thừa.

(Sao) Toán số giả.
(鈔)算數者。
*(**Sao**: Tính toán…).*

Đoạn này nhằm giải thích câu kinh *"phi thị toán số chi sở năng tri"* (chẳng thể tính toán để biết được). *"Toán số"* ở đây là một danh từ, được giải thích đơn giản [như sau].

(Sao) Thế gian toán số, tận ư Cửu Chương.
(鈔)世間算數，盡於九章。
*(**Sao**: Phép tính toán trong thế gian đều xuất phát từ Cửu Chương).*

Cửu Chương[1] là Toán Học cổ đại của Trung Hoa. Toán Học hiện thời tiến bộ hơn xưa kia rất nhiều.

---

[1] Toán Học cổ đại của Trung Hoa thường được gọi là Cửu Chương vì kiến thức Toán Học đã được hệ thống hóa và tổng hợp tương đối hoàn chỉnh bởi tác phẩm Cửu Chương Toán Thuật (tác phẩm này thường được coi là đã hoàn thiện vào triều đại nhà Hán). Không rõ ai là tác giả của tác phẩm này, chỉ biết người chỉnh lý là Trương Thương và Cảnh Thọ Xương. Tác phẩm này được chú giải rất nhiều, nổi tiếng nhất là các bản chú giải của Lưu Huy, Lý Thuần Phong, Giả Hiến, Dương Huy, Lý Hoàng v.v... Do tác phẩm này được chia thành chín chương, chép thành chín quyển, nên mới thường gọi là Cửu Chương. Hiện thời, bản lưu hành phổ biến nhất được dựa theo bản in trong niên hiệu Gia Định đời Tống. Bộ sách này gồm hai trăm bốn mươi sáu bài toán, chia thành hai trăm lẻ hai thuật toán (Algorithms), bao gồm chín thể loại như sau:
1) Phương Điền (方田): Giảng về cách tính toán diện tích ruộng đất và phân số.
2) Túc Mễ (粟米): Cách tính toán để hoán chuyển các đơn vị đo lường lương thực, và đề cập nhiều vấn đề thuộc về tỷ lệ.
3) Suy Phân (衰分): Cách tính toán các quy tắc tỷ lệ thuận, tỷ lệ nghịch, tam suất v.v…
4) Thiếu Quảng (少廣): Cách rút căn bậc hai và bậc ba.
5) Thương Công (商功): Cách tính thể tích, cách tính toán vật liệu khi xây dựng các công trình lớn.
6) Quân Thâu (均輸): Cách tính thuế khóa và các vấn đề tỷ lệ phức tạp, lãi đơn, lãi kép v.v...
7) Doanh Bất Túc (盈不足): Cách giải các hệ thống phương trình tuyến tính, đặc biệt liên quan đến vấn đề thừa thiếu. Một bài toán điển hình là: *"Nhiều người cùng mua hàng, nếu mỗi người trả bảy đồng thì tổng số tiền thiếu mất bốn đồng, mỗi người trả tám đồng thì tổng số tiền thừa ra ba đồng. Hỏi có mấy người mua, tổng số tiền phải trả là bao nhiêu?"* (Đáp số là bảy người mua và món tiền phải trả là năm mươi ba đồng). Hiện thời, để giải bài toán này, có thể đơn giản dùng hệ phương trình {7x = y - 4; 8x= y+3}, trong đó x là số người mua, y là tổng số tiền phải trả, nhưng đối với Toán Học Trung Hoa thời đó, chưa có cách dùng ẩn số và các ký hiệu như trong Toán Học Tây phương, để giải bài toán này, cổ nhân đã áp dụng thuật toán khá độc đáo và hơi khó hiểu, nhưng giải quyết vấn đề rất nhanh.
8) Phương Trình (方程): Cách giải hệ thống phương trình bậc nhất và cách cộng trừ các số âm và dương.
9) Câu Cổ (勾股): Các ứng dụng của định lý Pythagore (trong một tam giác vuông, bình phương cạnh huyền bằng tổng số của bình phương hai cạnh còn lại, nghĩa là $a^2 + b^2 = c^2$).
Thật ra, Toán Học cổ Trung Hoa có đến mười bộ sách toán (thường gọi là Toán Kinh Thập Thư) gồm Châu Bễ Toán Kinh, Cửu Chương Toán Thuật, Hải Đảo Toán Kinh, Tôn Tử Toán Kinh, Trương Khâu Kiến Toán Kinh, Ngũ Tào Toán Kinh, Ngũ Kinh Toán Thuật, Tập Cổ Toán Kinh, Số Thuật Ký Di và Hạ Hầu Dương Toán Kinh, nhưng Cửu Chương Toán Thuật nổi tiếng nhất, chi tiết nhất, có thuật toán và nội dung phong phú nhất, văn phong rành mạch, khúc chiết nhất, nên được coi là sách toán trọng yếu

(Sao) Phật thuyết toán số, như A Tăng Kỳ phẩm, tắc phi thế nhân tâm lực sở kế.

(鈔)佛說算數，如阿僧祇品，則非世人心力所計。

*(**Sao**: Cách tính toán số lượng như đức Phật đã nói phẩm A Tăng Kỳ thì tâm lực của người đời chẳng thể tính toán được).*

"A Tăng Kỳ phẩm" là một phẩm của kinh Hoa Nghiêm. Phẩm kinh này giảng về Toán Học, [nói ra] những con số quá lớn, phàm phu chúng ta chẳng có cách nào tính toán.

(Sao) Kim vân toán số, thông thế xuất thế gian nhi ngôn dã. Dĩ kỳ đa đa vô tận, siêu xuất toán số chi ngoại, tuy Lạc Hoằng, Nhất Hạnh, vô sở thi kỳ xảo giả dã.

(鈔)今云算數，通世出世間而言也。以其多多無盡，超出算數之外，雖洛閎一行，無所施其巧者也。

*(**Sao**: Nay nói đến "toán số" là nói gồm trọn [các phương pháp tính toán trong] thế gian và xuất thế gian. Do con số ấy nhiều vô tận, vượt ngoài khả năng tính toán. Dẫu là Lạc Hoằng hoặc Nhất Hạnh, cũng chẳng có cách nào thi thố tài khéo được).*

Ở đây, kinh nói *"toán số"* đã bao gồm tất cả những cách tính toán trong thế gian và xuất thế gian. Nhưng những con số ấy hết sức lớn, nếu chẳng phải là nhà Toán Học rất cao minh, tuyệt đối chẳng phải là kẻ tầm thường có thể tính toán nổi! *"Lạc Hoằng, Nhất Hạnh"* là những nhà Toán Học vào thời xưa của Trung Hoa. Liên Trì đại sư là người đời Minh; đương nhiên là từ sau nhà Minh, do giao thông phát triển, nhiều nhà toán học thuộc các quốc gia khác trên thế giới vượt trỗi Trung Quốc. Vào thời cổ, người Hoa vượt trội người ngoại quốc, hiện thời có rất nhiều người ngoại quốc chuyên tinh, suốt đời dốc sức nơi một môn, thâm nhập một môn, nên xuất hiện chẳng ít nhà Toán Học [lỗi lạc]. Những nhà Toán Học này cũng chẳng có cách nào biết rõ những con số được nói trong kinh Phật.

(Diễn) Toán số Cửu Chương giả.

---

nhất. Sách này được truyền sang Đại Hàn và Nhật Bản, tạo ảnh hưởng to lớn và khơi gợi hứng thú cao độ trong việc nghiên cứu Toán Học tại hai quốc gia ấy. Sách này còn được dùng làm tài liệu giáo khoa chủ yếu cho các quan đảm nhiệm dạy Toán trong Quốc Tử Giám đời Đường.

(演)算數九章者。

*(**Diễn**: Toán số Cửu Chương…).*

Cửu Chương là gì? Ở đây là giải thích danh từ Cửu Chương, nội dung chẳng thể nói chi tiết được. Nói thật ra, [các thuật toán trong Cửu Chương] cũng rất gần với Toán Học hiện đại. Toán Học cận đại tiến bộ hơn Toán Học Trung Hoa vào thời cổ rất nhiều.

(Diễn) Nhất Phương Điền, nhị Túc Bố, tam Sai Phân, tứ Thiếu Quảng, ngũ Thương Công, lục Quân Thâu, thất Phương Trình, bát Doanh Nục, cửu Câu Cổ.

(演)一方田，二粟布，三差分，四少廣，五商功，六均輸，七方程，八盈朒，九勾股。

*(**Diễn**: Một là Phương Điền, hai là Túc Bố, ba là Tu Phân, bốn là Thiếu Quảng, năm là Thương Công, sáu là Quân Thâu, bảy là Phương Trình, tám là Doanh Nục, chín là Câu Cổ).*

Nay chúng ta gọi *"phương trình"* là phương trình[2], *"câu cổ"* nay được gọi là rút căn bậc hai. Đây là những danh từ toán học Trung Hoa từ xưa[3].

(Diễn) "Lạc Hoằng, Nhất Hạnh" giả, Lạc Hoằng Hán Vũ Đế thời nhân, tinh ư lịch số, Hán thời cải Chánh Sóc kỳ sở định dã, toán châu thiên số vân: "Hậu kỷ bách niên, đương hữu sai ngoa, tất hữu thánh nhân xuất nhi chánh chi".

(演)洛閎一行者，洛閎漢武帝時人，精於曆數，漢時改正朔，其所定也。算周天數云：後幾百年，當有差訛，必有聖人出而正之。

---

[2] Hán ngữ hiện thời gọi Phương Trình (Equation) là Phương Trình Thức (方程式), nhưng chúng ta vẫn gọi là Phương Trình.

[3] Tên gọi các chương của Cửu Chương trong sách Diễn Nghĩa hơi khác, có lẽ vì chép sai, hoặc do sử dụng các bản in khác nhau, chẳng hạn Túc Mễ được sách Diễn Nghĩa chép thành Túc Bố, hoặc gọi bằng danh từ khác như Doanh Nục (có nghĩa là thừa thiếu, đồng nghĩa với Doanh Bất Túc). Ở đây, thật ra Thiếu Quảng mới là rút căn bậc hai (square root). Câu Cổ là còn gọi là Cao Thương hoặc Tất Thị Tam Nguyên Số (Tất Thị là phiên âm chữ Pythagore), chính là định lý bình phương cạnh huyền của một tam giác vuông bằng tổng số bình phương của hai cạnh kia. Mở rộng ra, những con số Câu Cổ là những số thỏa mãn điều kiện ấy, chẳng hạn (3, 4, 5) hoặc (8, 5, 11) v.v…

*(**Diễn**: "Lạc Hoằng[4], Nhất Hạnh": Lạc Hoằng là người sống vào thời Hán Vũ Đế, tinh thông lịch số. Việc sửa đổi ngày mồng Một tháng Giêng vào thời Hán là do ông ấn định. Khi ông tính toán số châu thiên đã nói: "Mấy trăm năm sau, sẽ bị sai ngoa, ắt có thánh nhân ra đời sửa đổi cho đúng").*

Lạc Hoằng là một nhà Toán Học. Toán Học là mẹ của khoa học! Số Lý[5] có thể suy diễn vận mạng suốt đời của mỗi cá nhân, mở rộng ra là quốc gia, thế giới, ngay cả sự vận chuyển của các tinh cầu trong vũ trụ cũng đều có thể tính toán. Rất nhiều tinh cầu trong Thiên Văn Học, trước hết là do suy luận Toán Học mà tìm ra, biết ở chỗ nào đó phải có tinh cầu. Sau đấy lại tìm tòi, quả nhiên tìm được. Đó là nhìn vào sự vận hành của tinh cầu, vì sự vận hành của nó bị ảnh hưởng bởi sức hấp dẫn giữa các vật thể, từ đó suy diễn ra [kết quả]. Tuy chưa phát hiện, nhưng biết là phải có [một thiên thể ở nơi đó], nên mới có hiện tượng ấy. Thiên Vương Tinh (Uranus) và Minh Vương Tinh (Diêm Vương Tinh, sao Pluto) đều là trước hết suy luận từ Số Lý, sau đấy mới tìm được những tinh cầu ấy. Có rất nhiều dự ngôn (lời tiên đoán) cũng được diễn dịch dựa trên suy luận Số

---

[4] Lạc Hoằng (tên gọi đầy đủ là Lạc Hạ Hoằng, 156-87 trước Công Nguyên, Lạc Hạ là họ kép), tự là Trưởng Công, người xứ Lãng Trung, Ba Quận (Tứ Xuyên), sống vào thời Tây Hán, là một nhà thiên văn và toán học lừng lẫy. Thoạt đầu, ông không ra làm quan, chuyên tâm nghiên cứu Thiên Văn và Triết Học. Ông chế ra dụng cụ quan sát các tinh tú để tính lịch pháp gọi là Hỗn Thiên Nghi (Armillary sphere) có hình cầu, có nhiều vòng đồng bao quanh để tính toán quỹ đạo của các tinh cầu. Vào năm Thái Sơ nguyên niên (104 trước Công Nguyên), Hán Vũ Đế nghe danh, xuống chiếu triệu ông đến Trường An để tu chỉnh lịch pháp. Ông hợp sức cùng với Đường Đô, Tư Mã Thiên, Tiên Ư Vọng v.v… soạn ra bộ lịch Thái Sơ, cải tiến cách tính lịch của Chuyên Húc đã lỗi thời của nhà Tần, tiến hành cải cách lịch pháp một cách hệ thống và hợp lý. Ông đề xướng nhiều cách tính lịch mới mẻ, chẳng hạn ông đề xướng bỏ quan niệm một năm gồm mười tháng trong lịch Chuyên Húc, chia một năm thành mười hai tháng và hai mươi bốn tiết Khí, ấn định bốn mùa theo đúng thứ tự và độ dài, quy định lại ngày đầu năm (Chánh Sóc), biến lịch Trung Hoa thành Âm Dương Lịch, giúp cho người dân chỉ coi lịch để tính toán thời điểm nông vụ, không cần phải tốn công quan sát thiên tượng để tiên đoán khí hậu như trước kia. Điểm đặc sắc của lịch Thái Sơ là ấn định một năm có 365 ngày, nhưng mỗi tháng tối đa chỉ có ba mươi ngày, nên mới sử dụng năm nhuần để hiệu chỉnh những sai lệch. Học thuyết Hỗn Thiên nhằm lý giải vũ trụ của ông (với quan điểm trái đất là trung tâm vũ trụ) về sau được Trương Hành hoàn thiện trở thành một học thuyết chánh yếu về vũ trụ quan của Trung Hoa mãi cho tới đời Thanh.

[5] Số Lý ở đây là lý luận về số học, tức suy luận Toán Học thuần túy, không phải là Lý Số. Lý Số là thuật bói toán, tiên đoán vận mạng dựa trên Âm Dương và Ngũ Hành.

Lý, nhưng có khi phạm sai sót, rất khó tránh khỏi, không nhất thiết là hoàn toàn chánh xác! Nếu thấy trong Định, sẽ có thể thấy chuyện thuộc ngàn vạn năm sau trong cõi này hay phương khác. Đó là cảnh giới Hiện Lượng, chẳng sai lầm tí nào! Ở đây, [sách Diễn Nghĩa nói] ông ta tính toán con số châu thiên, nói theo thiên văn hiện thời, [số châu thiên] chính là [tính toán] sự vận hành của tinh cầu. Mấy trăm năm sau, tốc độ vận hành và góc độ của các tinh cầu sẽ bị sai lệch lớn hơn đôi chút, nên lịch pháp cần phải tu chỉnh.

(Diễn) Đường Huyền Tông thời, tăng Nhất Hạnh quả xuất, phục định lịch số.

(演)唐玄宗時，僧一行果出，復定曆數。

*(**Diễn**: Vào thời Đường Huyền Tông, quả nhiên sư Nhất Hạnh[6] xuất hiện, lại ấn định lịch số).*

---

[6] Nhất Hạnh (638-727) là một nhà toán học và lịch pháp lừng danh của Trung Hoa, đồng thời là một vị tổ sư của Đông Mật Trung Hoa. Ngài tên thật là Trương Toại, pháp hiệu Kính Hiền, tôn hiệu là Đại Huệ thiền sư, người xứ Xương Lạc, Ngụy Châu (tỉnh Hà Nam hiện thời), còn được gọi là Nhất Hạnh A Xà Lê. Ngài xuất thân từ thế gia vọng tộc (ông cố chính là quan đại thần Trương Công Cẩn đời Đường Thái Tông, ông nội là Trương Đại Tố làm quan đến chức Môn Hạ Tỉnh Đông Đài Xá Nhân, cha là huyện lệnh huyện Vũ Công). Ngài tinh thông tiếng Phạn, Toán Học, lịch pháp, đặc biệt là Thiên Văn Học. Năm hai mươi mốt tuổi, khi cha mẹ đều khuất bóng, do nghe ngài Hoằng Cảnh thuộc tông Thiên Thai giảng pháp, bèn dấy lên ý niệm xuất gia, xin quy y, xuống tóc với ngài Phổ Tịch ở Tung Sơn. Do thâm nhập Nhất Hạnh tam-muội, nên còn có hiệu là Nhất Hạnh. Về sau, Ngài chuyên học tập kinh điển nhà Phật cũng như nghiên cứu Thiên Văn, Toán Học tại Tung Sơn và chùa Ngọc Tuyền. Năm Khai Nguyên thứ 5 (711), Đường Huyền Tông xuống chiếu triệu hồi Ngài về Trường An phụ tá ngài Thiện Vô Úy dịch kinh Đại Nhật. Ngài còn học Mật Pháp với ngài Kim Cang Trí, được đại sư truyền quán đảnh. Ngài lại làm Bút Thọ trong việc dịch thuật các bộ kinh trọng yếu của Kim Cang Giới Mạn Đà La như Kim Cang Tụng Niệm Pháp, Thất Câu Chi Đà La Ni… Sau đó lại cầu pháp với Bất Không đại sư, học kinh Kim Cang Đảnh. Có thể nói Ngài là người đầu tiên được truyền thừa đồng thời hai hệ thống Mật Pháp trong lịch sử Trung Hoa. Năm 713, Đường Huyền Tông sai Ngài cải cách lịch pháp, biên soạn bộ Đại Diễn Lịch với sự trợ giúp của Trương Thuyết, Trần Huyền Cảnh v.v... Ngài thiết kế nhiều dụng cụ thiên văn như Hoàng Đạo Du Nghi, Hỗn Tượng, Phục Củ v.v… đo lường quỹ đạo các hằng tinh, sửa đổi hiệu chỉnh lịch pháp từ đời Hán cho khớp với vận hành của các tinh tú, phát hiện hiện tượng tuế sai (precession). Năm Khai Nguyên 12 (723), Ngài chủ trì công cuộc đo lường bóng mặt trời trên quy mô lớn, phía Bắc đến Thiết Lặc (vùng phụ cận kinh đô Ulan Bator của Mông Cổ hiện thời), phía Nam đến Giao Châu (miền Bắc Việt Nam), tính ra độ dài của kinh tuyến (nhằm có số lượng chánh xác về thiên văn để hiệu chỉnh lịch pháp). Riêng về Mật

Thời Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng), có một vị xuất gia là pháp sư Nhất Hạnh tinh thông Thiên Văn và Toán Học, Ngài cũng thông hiểu những điều này. *"Phục định lịch số"* là tu chỉnh lịch số một lần nữa. Đó là Nông Lịch được sử dụng tại Trung Hoa hiện thời, dựa trên tiêu chuẩn mặt trăng xoay quanh địa cầu, còn gọi là Âm Lịch. Lịch của người Tây Dương gọi là Dương Lịch, dựa theo tiêu chuẩn trái đất xoay quanh mặt trời để tính toán. Những nhà đại toán học đối với các số lượng đã nói trong kinh Phật cũng chẳng có cách nào suy luận!

(Sao) Thượng ngôn vô lượng vô biên, thập đại số trung, đương kỳ nhị tam.

(鈔)上言無量無邊，十大數中當其二三。

*(**Sao**: Vô lượng và vô biên như đã nói trên đây đứng vào hàng thứ hai và thứ ba trong mười con số lớn).*

Mười con số lớn được nói trong phẩm A Tăng Kỳ. Đơn vị số đếm của cổ Ấn Độ tính từ những số căn bản đến con số cuối cùng gồm có hơn một trăm năm mươi đơn vị (đơn vị số đếm của Trung Hoa chỉ có hai mươi mấy loại), những số về sau lại là nhân gấp bội của chính nó, chẳng phải là tăng gấp mười. Mười con số lớn sau cùng, chúng ta thường gọi là Thập Đại Số. Đầu tiên là A-tăng-kỳ, thứ hai là Vô Lượng. A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng, nên Vô Lượng là danh từ chỉ số đếm. Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên. Trong mười con số lớn, Vô Lượng là thứ hai, Vô Biên là thứ ba, nên nói: *"Thập đại số trung, đương kỳ nhị tam".*

(Sao) Thị hữu toán số, nhi kim ngôn "phi thị toán số sở tri".

(鈔)是有算數，而今言非是算數所知。

*(**Sao**: [Những con số ấy tuy lớn nhưng vẫn] là có thể tính toán được, nhưng nay kinh nói "chẳng thể tính toán để biết được").*

Nói thật ra, Vô Lượng là vô lượng trong hữu lượng, chẳng phải là vô lượng thật sự. Vô Lượng là một đơn vị số đếm. Kinh nói đến chữ này, rốt cuộc có phải là vô lượng có hạn lượng hay là vô lượng theo nghĩa vô lượng? Kinh Di Đà chẳng nói tỉ mỉ, nhưng kinh Vô Lượng Thọ giảng rất

---

Tông, Ngài viết bộ Đại Nhật Kinh Sớ (ghi chép những lời giảng giải của đại sư Thiện Vô Úy) được coi là tác phẩm chú giải quan trọng nhất để hiểu giáo nghĩa Mật Tông, đặc biệt là Thai Tạng Giới Mạn Đà La.

cặn kẽ. Quý vị nói nó là vô lượng có hạn lượng, vậy thì đức Phật đã nói: Giả sử mười phương thế giới chúng sanh thảy đều chứng quả Bích Chi Phật, thần thông đều giống như Mục Kiền Liên, cùng nhau tính toán xem trong thế giới Tây Phương có bao nhiêu người, họ tính chẳng ra! Thọ mạng của A Di Đà Phật họ cũng tính chẳng ra. Do vậy có thể biết, tuyệt đối chẳng phải là vô lượng có hạn lượng như đang nói ở đây. Vì sao? Đối với các con số Vô Lượng và Vô Biên của Ấn Độ, người khá Toán một chút trong bọn chúng ta vẫn có thể tính toán được! Hiện thời, chúng ta chẳng khá Toán cho lắm, nhưng lợi dụng máy tính điện tử thì vẫn có thể tính ra. Dùng kinh Vô Lượng Thọ để quan sát, đức Thế Tôn giới thiệu sự vô lượng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể nói đó là vô lượng thật sự. Dẫu là có hạn lượng, đối với cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta, vẫn thật sự là vô lượng, vẫn chẳng thể nào tính toán để biết được!

(Sao) Cố tri vô lượng, nãi tán thán cực đa chi ngữ, vị khả dĩ thường số nệ dã.

(鈔)故知無量，乃讚歎極多之語，未可以常數泥也。

*(**Sao**: Cho nên biết "vô lượng" chính là từ ngữ tán thán số lượng cực nhiều, chớ nên câu nệ hiểu là những con số thông thường).*

Đặc biệt nhắc nhở chúng ta, tuyệt đối chẳng thể dùng những con số Ấn Độ để suy lường, [chấp chặt vô lượng vô biên là các con số đếm] thì chúng ta sai lầm mất rồi!

(Sao) Như Đại Bổn vân.

(鈔)如大本云。

*(**Sao**: Như kinh Đại Bổn có nói).*

Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ. Trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư trích dẫn Đại Bổn, đại đa số đều dựa theo kinh văn trong bản hội tập của ông Vương Long Thư, tức là Đại A Di Đà Kinh.

(Sao) Giả sử tỳ-kheo mãn ức na-do-tha bách thiên số lượng, giai như Mục Liên thần thông, dục cộng kế toán bỉ Phật sơ hội Thanh Văn, tận kỳ thần lực, bách phần trung bất năng tri nhất, nãi chí Ổ-ba-nê-sát-đàm phần, diệc bất năng tri nhất.

(鈔)假使比丘滿億那由他百千數量，皆如目連神通，欲共計算彼佛初會聲聞，盡其神力，百分中不能知一，乃至鄔波尼殺曇分，亦不能知一。

*(**Sao**: Giả sử tỳ-kheo số lượng nhiều đến ức na-do-tha trăm ngàn, đều có thần thông như ngài Mục Liên, muốn cùng nhau tính toán số lượng Thanh Văn trong hội đầu tiên của đức Phật ấy, trọn hết thần lực của họ, vẫn chẳng biết được một phần trăm, cho đến một phần Ô-ba-nê-sát-đàm cũng chẳng biết được).*

"Ô-ba-nê-sát-đàm" (Upaniṣad)[7], kinh Lăng Nghiêm nói (phiên âm) là Ưu-ba-ni-sa-đà, âm đọc rất gần gũi, vì là dịch âm tiếng Phạn [nên tùy theo dịch giả mà phiên âm sai khác đôi chút], dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vi Tế Phần. Một phần của Vi Tế mà còn chẳng thể biết, huống hồ toàn thể!

(Sao) Hựu vân, Phật cáo A Nan: "Giả sử hữu nhân, xuất nhất thân mao, toái vi vi trần, dĩ nhất nhất trần, đầu hải xuất thủy, mao trần thủy đa? Hải trung thủy đa?" A Nan đáp ngôn: "Mao trần thủy đa, bất cập bán cáp, hải thủy vô lượng".

(鈔)又云，佛告阿難：假使有人，出一身毛，碎為微塵，以一一塵，投海出水，毛塵水多，海中水多？阿難答言：毛塵水多，不及半合，海水無量。

*(**Sao**: Kinh lại chép: Đức Phật bảo A Nan: "Giả sử có người nhổ một sợi lông trên thân, nghiền nát thành vi trần, dùng mỗi một vi trần ấy để nhúng xuống biển lấy nước thì nước dính trên hạt bụi của sợi lông ấy là nhiều hay nước trong biển là nhiều?" A Nan đáp rằng: "Nước dính trên hạt bụi của sợi lông nhiều lắm là chưa đầy nửa lẻ[8], nước biển vô lượng).*

---

[7] Theo Huệ Lâm Âm Nghĩa: *"Ưu-ba-ni-sa-đà phần theo cách tính toán trong tiếng Phạn là số nhỏ nhất, Đại Luận giải thích là vi tế được phân chia tới cực hạn… Giảng nghĩa là Vi Tế, nhỏ đến gần bằng Hư Lân thì gọi là Ô-ba-ni-sát-đàm"*. Hư Lân tức là Hư Lân Trần, là vi trần chia đến mức nhỏ nhất, nếu chia chẻ ra nữa sẽ thành hư không.

[8] Lẻ là một đơn vị đo lường, thường hiểu là tương đương với một decilitter (dl) trong đơn vị đo lường hiện thời. Khi chỉ đơn vị đo lường, chữ 合 phải đọc là Cáp (không đọc là Hợp hoặc Hiệp như trong cách đọc thông thường).

Một hạt bụi của sợi lông chẻ ra chính là một phần trăm. Sợi lông đã rất nhỏ, đem chẻ theo chiều dọc, chẻ thành một trăm phần, quý vị nghĩ xem một phần trăm của nó sẽ nhỏ đến mức nào! Dùng nó để chấm một giọt nước trong biển, đức Phật hỏi: "Nước dính nơi hạt bụi từ sợi lông ấy là nhiều, hay nước trong biển là nhiều?" Đây là sánh ví giống như vừa mới nói [trong đoạn trước], chúng sanh trong mười pháp giới đều chứng quả Bích Chi Phật, thần thông đều giống như Mục Kiền Liên, số lượng trong thế giới Cực Lạc mà họ có thể biết được, chẳng qua là lượng nước dính trên hạt bụi của sợi lông mà thôi, chẳng biết lượng nước trong biển cả. Điều này nhằm hình dung số lượng tột bậc chẳng thể nghĩ bàn. Thế giới Tây Phương chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo, Ngẫu Ích đại sư nói như thế này: *"Nếu chẳng do Phật lực gia trì, chúng sanh trong chín pháp giới tuyệt đối chẳng thể nào cậy vào sức mình mà hòng lý giải được!"*.

(Sớ) Luận ngôn "Nhị Thừa bất sanh", kim ngôn Thanh Văn giả, dĩ quán tập Tiểu, bất cửu chứng Đại, chung vô Tiểu cố. Như Quán Sớ thuyết: "Nhược cứ biến hóa, Tiểu diệc vô ngại".

(疏)論言二乘不生，今言聲聞者，以慣習小，不久證大，終無小故。如觀疏說：若據變化，小亦無礙。

*(**Sớ**: Luận nói "Nhị Thừa chẳng sanh", nay [chánh kinh] nói đến Thanh Văn, là do họ đã quen tu pháp Tiểu Thừa, chẳng lâu sau sẽ chứng quả Đại Thừa, trọn chẳng có quả Tiểu Thừa. Như Quán Kinh Sớ đã nói: "Nếu xét theo sự biến hóa thì Tiểu Thừa cũng chẳng trở ngại gì").*

Vãng Sanh Luận nói: *"Nhị Thừa chủng bất sanh"*, [nghĩa là] chủng tánh Nhị Thừa chắc chắn chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ. Tây Phương Tịnh Độ thuần nhất chủng tánh Đại Thừa, là chủng tánh Bồ Tát, chẳng có chủng tánh Nhị Thừa. Nay kinh nói Tây Phương Cực Lạc thế giới có Thanh Văn, đó là chuyện như thế nào? Ở đây, đại sư giải thích, *"dĩ quán tập Tiểu"* (do quen tu tập pháp Tiểu Thừa), *"quán"* (慣) là thói quen. Trước khi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như trong thế giới này của chúng ta, họ đã tu pháp Tiểu Thừa rất lâu, nay nghe nói thế giới Tây Phương, bèn hồi Tiểu hướng Đại, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nên cũng có thể vãng sanh. Tuy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tập khí Tiểu Thừa rất nặng, tập khí Tiểu Thừa vẫn chưa đoạn, chúng ta gọi họ là Tiểu Thừa, tức là nói đến thân phận Tiểu Thừa của họ trước khi vãng sanh. Trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta cũng thấy điều này. Lời giải thích của Liên Trì

đại sư chẳng phải là thiên kiến của chính Ngài, mà là căn cứ trên Đại Kinh. *"Chung vô tiểu cố"* (Trọn chẳng có Tiểu Thừa): Thế giới Cực Lạc tuyệt đối chẳng có Tiểu Thừa.

(Sao) Chung vô Tiểu giả, Quán Kinh Sớ vị tập Tiểu chi nhân, bổn bất đắc sanh.

(鈔)終無小者，觀經疏謂習小之人，本不得生。

*(**Sao**: "Trọn chẳng có Tiểu Thừa": Quán Kinh Sớ nói người tu tập pháp Tiểu Thừa vốn chẳng được vãng sanh).*

Người Tiểu Thừa quả thật chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ.

(Sao) Diêu bỉ lâm chung, phát Đại Thừa tâm, diệc nãi đắc sanh.

(鈔)繇彼臨終，發大乘心，亦乃得生。

*(**Sao**: Do khi người ấy lâm chung, phát tâm Đại Thừa, nên cũng được vãng sanh).*

Duyên phận Tịnh Độ của người ấy trước khi mạng chung mới chín muồi, lúc sắp mạng chung, gặp thiện tri thức bảo ban sự thù thắng của Tây Phương Cực Lạc thế giới, nghe xong, đương nhiên là người ấy nhất định đã có thiện căn trong đời quá khứ, do thiện căn chín muồi nên có thể tin tưởng, có thể phát nguyện, có thể niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định vãng sanh.

(Sao) Dĩ quán tập Tiểu.

(鈔)以慣習小。

*(**Sao**: Do quen tu tập pháp Tiểu Thừa).*

Vì người ấy tu Tiểu Thừa đã lâu, cũng là do sức lực của chủng tử pháp Tứ Đế rất mạnh, nên đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nghe A Di Đà Phật [thuyết pháp] cũng như nghe các pháp môn do y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tịnh Độ đã nói, [sẽ nghe thành] toàn là giảng giải pháp môn Tiểu Thừa. Nói thật thà, Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật có bao giờ [cố ý] thuyết pháp? Tuy Phật chẳng thuyết pháp, nhưng ở bên ấy, từ đầu đến cuối thuyết pháp chẳng gián đoạn. Thuyết pháp là do chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Quý vị mong nghe kinh gì, nghe pháp gì, quý vị sẽ nghe âm thanh nói kinh pháp ấy. Những người ấy tập

khí Tiểu Thừa rất sâu, đương nhiên là nghĩ tới kinh Tiểu Thừa, vì họ chưa từng tiếp xúc kinh Đại Thừa. Đừng nói là chẳng hiểu ý nghĩa trong kinh, ngay cả tựa đề kinh cũng chẳng hiểu. Trong tâm họ luôn nghĩ tới kinh Tiểu Thừa, nên họ nghe A Di Đà Phật giảng giải, hướng dẫn cũng là pháp Tiểu Thừa.

(Sao) Tài văn khổ, không, vô thường đẳng pháp, thuận kỳ tiên tập, toại chứng tiểu quả.

(鈔)纔聞苦空無常等法，順其先習，遂證小果。

*(**Sao**: Mới nghe các pháp như khổ, không, vô thường v.v... hợp với những gì đã tu tập trước kia bèn chứng tiểu quả).*

Sau khi người ấy nghe những pháp đó, bèn đoạn Kiến Tư phiền não. Đoạn Kiến Tư phiền não, sẽ bằng với chứng quả A La Hán. Thật ra, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy là Bồ Tát, tuyệt đối chẳng phải là A La Hán. Chúng ta biết trong quả vị Bồ Tát của Viên Giáo, đoạn hết Kiến Tư phiền não là địa vị Thất Tín, Thất Tín vị Bồ Tát. Nhưng xét theo Đại Thừa Phật pháp, sự huân tu đoạn chứng của người ấy bằng với Tiểu Thừa. Trừ sự đoạn chứng ra, đối với trí huệ, thần thông, đạo lực của người ấy, chắc chắn là Thanh Văn và Duyên Giác chẳng thể sánh bằng!

(Sao) Nhi hướng Đại chi tâm dĩ thành, huống đắc cận Phật, tự đương bất cửu chứng Đại, an tại kỳ vi Thanh Văn hồ?

(鈔)而向大之心已成，況得近佛，自當不久證大，安在其為聲聞乎？

*(**Sao**: Nhưng cái tâm hướng về Đại Thừa đã thành lập, huống hồ được thân cận Phật, không lâu sau sẽ tự chứng quả Đại Thừa, há thuộc vào địa vị Thanh Văn ư?)*

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng xa lìa A Di Đà Phật, thường thân cận A Di Đà Phật. Có lẽ quý vị hoài nghi: Thế giới Tây Phương to dường ấy, người đông như vậy, làm sao ta có thể hằng ngày ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật? Đó là quan niệm của người thế gian chúng ta. Thế gian này xác thực đúng là như vậy. Chẳng cần nói quá to, chúng ta ở thành phố Đài Bắc là một nơi rất nhỏ, mỗi người chúng ta hằng ngày có trông thấy Lý Tổng Thống[9] hay không? Bắt tay ông ta, cùng ông

[9] Khi ấy, Tổng Thống Đài Loan là Lý Đăng Huy.

ta trò chuyện được chăng? Chẳng thể nào! Vì sao chẳng thể? Ông ta chỉ có một thân! A Di Đà Phật có vô lượng vô biên hóa thân, nên mỗi người đều hằng ngày thấy Phật, hằng ngày ở cùng một chỗ với Phật. Nếu Lý tổng thống có hóa thân, thành phố Đài Bắc có hai trăm vạn người, ông ta có hai trăm vạn hóa thân, mỗi hóa thân bồi tiếp một người, chẳng phải là hằng ngày ở cùng một chỗ ư? Phật có hóa thân, Quán Âm Bồ Tát cũng có hóa thân, Đại Thế Chí Bồ Tát cũng có hóa thân, chúng ta xem Quán Kinh Sớ Sao sẽ biết. Không chỉ là Phật, Bồ Tát có hóa thân; tới cõi ấy, chính chúng ta cũng có thể hóa thân, tuyệt diệu chẳng thể nói nổi! Chính mình cũng hóa thân giống như Phật, hóa thân vô lượng vô biên, hóa thân nhiều như thế để làm gì? Hằng ngày đến thăm viếng mười phương chư Phật, không chỉ là thân cận A Di Đà Phật, mà mười phương ba đời hết thảy chư Phật quý vị đều có thể thân cận hằng ngày, quý vị nói xem thế giới Cực Lạc có tốt đẹp hay không? Nếu quý vị chẳng sanh về thế giới Tây Phương, sẽ chẳng đạt được điều tốt đẹp ấy. Nếu Bồ Tát muốn đạt được lợi ích như vậy, phải là bậc đã đắc từ Thất Địa trở lên! Khi nào quý vị có thể tu đến Thất Địa của Viên Giáo trở lên thì quý vị mới có năng lực thân cận mười phương Như Lai. Chỉ cần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạ hạ phẩm vãng sanh đều đạt được điều tốt đẹp này, là do thần lực của A Di Đà Phật gia trì. Từ Quán Kinh và kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đều nhìn thấy điều này, thời thời khắc khắc đều có thể thân cận Phật Di Đà. Vì lẽ đó, há có thể nói họ là Thanh Văn ư?

(Sao) Thị tắc kinh cử Thanh Văn, dĩ tạm hữu cố. Luận minh Nhị Thừa bất sanh giả, dĩ chung vô cố.

(鈔)是則經舉聲聞，以暫有故。論明二乘不生者，以終無故。

*(**Sao**: Do vậy, kinh nêu ra Thanh Văn là vì tạm thời có. Vãng Sanh Luận bảo Nhị Thừa chẳng thể vãng sanh là nói "rốt cục, chẳng có Thanh Văn").*

Kinh nói tới Thanh Văn là vì có hai ý nghĩa, chúng ta đọc được điều này từ kinh Vô Lượng Thọ:

1) Ý nghĩa thứ nhất là nói Thanh Văn hoặc nói trời, người, chính là nói đến thân phận của họ trước khi vãng sanh: Họ từ Tiểu Thừa vãng sanh, hoặc do thân phận trời, người mà vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nên gọi theo thân phận trước đó.

2) Một cách nói khác là xét theo sự đoạn Hoặc, đoạn phiền não của họ. Nếu quý vị vẫn chưa đoạn Kiến Tư phiền não, sẽ bằng với trời, người trong các thế giới khác. Đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng Trần Sa và Vô Minh chưa đoạn, sẽ bằng với Thanh Văn trong các thế giới phương khác. Nói theo kiểu này!

Chỉ cần sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh, thảy đều là Bồ Tát. Thế giới ấy là một pháp giới thuần nhất Bồ Tát. Chúng ta lại còn đọc từ rất nhiều kinh, hiểu sâu xa, họ đều là Phổ Hiền Bồ Tát, chẳng phải là hàng Bồ Tát bình phàm. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, [sẽ thấy] chỉ có Phổ Hiền Bồ Tát mới có thể thành Phật, các Bồ Tát khác chẳng thể thành Phật. Nếu Bồ Tát nào muốn thành Phật, nhất định phải tu Phổ Hiền hạnh, nhất định phải biến chính mình thành Phổ Hiền Bồ Tát thì mới có thể viên thành Phật đạo.

Kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"* có mối quan hệ vô cùng mật thiết. Đoạn kế tiếp nói càng hay hơn:

(Sao) Tiểu diệc vô ngại giả.

(鈔)小亦無礙者。

*(**Sao**: Tiểu Thừa thì cũng chẳng trở ngại).*

Câu này nói viên mãn, đích xác là cảnh giới Hoa Nghiêm, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

(Sao) Tịnh Độ thượng dung chúng điểu, Thanh Văn khởi bất điểu như?

(鈔)淨土尚容眾鳥，聲聞豈不鳥如？

*(**Sao**: Tịnh Độ còn dung nạp các loài chim, Thanh Văn há chẳng bằng chim ư?)*

Lẽ đâu Thanh Văn chẳng bằng các loài chim? Còn thua kém chúng ư?

(Sao) Điểu ký biến hóa sở thành, Thanh Văn ninh độc thật hữu?

(鈔)鳥既變化所成，聲聞寧獨實有？

*(**Sao**: Chim đã là do biến hóa tạo thành, há riêng Thanh Văn là thật sự có?)*

Mấy câu này nói quá hay, đích xác là viên dung đến tột bậc. Há Tây Phương Cực Lạc thế giới có chim? Chim là do A Di Đà Phật biến hóa tạo ra. Trời, người, Thanh Văn trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có thể là do A Di Đà Phật biến hóa tạo tác. Nói theo cảnh giới Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại của Hoa Nghiêm, xác thật là viên dung vô ngại. Chúng ta chẳng cần hoài nghi chuyện này!

(Sao) Túng sử bỉ quốc cửu hữu Thanh Văn, diệc phục hà ngại?
(鈔)縱使彼國久有聲聞，亦復何礙。

*(**Sao**: Hơn nữa, dẫu cõi ấy có Thanh Văn lâu ngày, cũng có trở ngại gì?)*

Nếu thế giới ấy thật sự có người, trời, có Thanh Văn, cũng có thể là do A Di Đà Phật biến hóa tạo ra. Thần thông, đạo lực của Phật Di Đà chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta chẳng cần phải hoài nghi. Kinh điển của Tịnh Độ Tông để chúng ta y cứ là năm kinh, năm kinh quy nạp lại sẽ là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất trong Tịnh Tông. Kinh Vô Lượng Thọ lại quy nạp sẽ thành bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện do chính miệng A Di Đà Phật nói ra, Thích Ca Mâu Ni Phật thuật lại cho chúng ta biết. Đức Phật [Thích Ca Mâu Ni] kể lại và chính A Di Đà Phật nói ra, chẳng khác gì nhau! Chúng ta phải lấy điều gì làm căn cứ? Lấy bốn mươi tám nguyện làm căn cứ. Bốn mươi tám nguyện giống như hiến pháp, bất cứ pháp nào trong hết thảy các pháp hễ mâu thuẫn với nó thì đều chẳng có hiệu quả! Vì lẽ đó, lấy bốn mươi tám nguyện làm chủ.

Tôi thường khuyên các đồng tu; nếu chẳng có thời gian đọc trọn bộ kinh, người thật sự tu Tịnh Độ trong khóa sáng hãy niệm chương thứ sáu tức là bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, chuyên tu Tịnh Độ, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, khóa tối niệm năm chương là ba mươi ba, ba mươi bốn, ba mươi lăm, ba mươi sáu, và ba mươi bảy, năm chương ấy là trì giới niệm Phật. Dùng kinh văn của năm chương ấy để phản tỉnh, sám hối, sửa lỗi đổi mới. Chẳng thể đọc trọn bộ kinh thì đọc theo cách như vậy. Niệm xong, lại niệm thêm kệ Hồi Hướng, Tam Quy Y, như vậy thì khóa sáng và khóa tối đều hết sức viên mãn, đó là chuyên tu Tịnh Tông.

Thanh Văn chúng được giới thiệu tới đây, kế tiếp là giới thiệu Bồ Tát chúng.

Nhị, Bồ Tát.
(Kinh) Chư Bồ Tát chúng, diệc phục như thị.

二菩薩。

(經)諸菩薩眾。亦復如是。

(Hai là Bồ Tát.

***Kinh**: Các vị Bồ Tát cũng giống như thế).*

Thanh Văn chúng nói cặn kẽ, đối với Bồ Tát chúng, ngôn ngữ tỉnh lược khá nhiều, nhưng chúng ta phải nhớ trong phần kinh văn trước đó, đức Phật đã nói: *"Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử"* (Đức Phật ấy có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử), ở đây, chiếu theo thể lệ trong phần trước, sẽ là *"bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Bồ Tát đệ tử, phi thị toán số chi sở năng tri"* (Đức Phật có vô lượng vô biên Bồ Tát đệ tử, chẳng thể tính toán để biết được số lượng).

(Sớ) Thừa thượng, bất độc Tiểu Thừa.

(疏)承上不獨小乘。

*(**Sớ**: Nói tiếp ý kinh văn trong phần trên, không riêng gì Tiểu Thừa).*

Số lượng trời, người và Thanh Văn trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Chư Đại Thừa Bồ Tát vô bất sanh cố.

(疏)諸大乘菩薩無不生故。

*(**Sớ**: Các vị Đại Thừa Bồ Tát, không vị nào chẳng vãng sanh).*

Vì từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đã thấy, Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng lìa niệm Phật. Bồ Tát tu hành đến mức đăng địa (chứng Sơ Địa), sẽ biết pháp môn này thù thắng. Nói cách khác, địa tiền Bồ Tát (Bồ Tát chưa chứng Sơ Địa) chẳng biết pháp môn này, không nhận biết pháp môn này. Sau khi đã đăng địa, mới hiểu pháp môn này thù thắng, mới biết chỗ tốt đẹp của pháp môn này, biết sự lợi ích chân thật của pháp môn này, nên chẳng có vị nào không tin. Vì lẽ đó, số lượng các vị đại Bồ Tát trong thế giới Tây Phương không chỉ chẳng thể ít hơn trời, người, Thanh Văn, mà còn vượt trỗi quá nhiều. Hàng đại Bồ Tát trong cõi kia đông lắm!

(Sớ) Diệc phục giả, diệc vô lượng vô biên bất khả toán số dã. Hựu phục cụ vô lượng vô biên công đức, như Đại Bổn trung thuyết.

(疏)亦復者，亦無量無邊不可算數也。又復具無量無邊功德，如大本中說。

*(**Sớ**: "Cũng lại [giống như thế]": Cũng là vô lượng vô biên chẳng thể tính toán. Lại còn có đủ vô lượng vô biên công đức như trong kinh Đại Bổn đã nói).*

Kinh Vô Lượng Thọ nói các vị đại Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới công đức vòi vọi, chư Phật chẳng thể tán thán trọn hết!

(Sao) Bồ Tát giả, tự sơ tâm dĩ chí địa tận, tiền như giáo khởi trung biện, hậu như Bổ Xứ văn trung sở dẫn, thậm đa vô lượng, hà khả sổ kế.

(鈔)菩薩者，自初心以至地盡，前如教起中辯，後如補處文中所引，甚多無量，何可數計。

*(**Sao**: Bồ Tát là từ sơ tâm cho đến hết các địa vị thuộc Thập Địa, trước thì như trong phần Giáo Khởi Nhân Duyên đã biện định, sau thì như trong phần kinh văn nói về Nhất Sanh Bổ Xứ sẽ dẫn chứng, thật nhiều vô lượng, làm sao có thể tính đếm cho được).*

Trước hết nói về số lượng, từ sơ phát tâm, sơ phát tâm chính là lũ phàm phu chúng ta đới nghiệp vãng sanh. Trong một đời, chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo, chẳng dễ dàng! Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo là hạng người nào? Kinh Di Đà nói là nhất tâm bất loạn. Vì thế, La Thập đại sư dịch là *"nhất tâm bất loạn"*, dịch hay quá! Nhất tâm bất loạn cũng có ba bậc chín phẩm, chúng ta là hạ hạ phẩm nhất tâm bất loạn. Hạ hạ phẩm nhất tâm bất loạn là mức độ nào? Đoạn Ngũ Lợi Sử, tức là đoạn sạch tám mươi tám Sử thuộc Kiến Hoặc trong tam giới. Nay chúng ta một phẩm cũng chẳng đoạn, hễ vãng sanh bèn đoạn, khi vãng sanh bèn được A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, Phật quang vừa chiếu thì Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, Tà Kiến đều bị Phật quang chiếu rơi rụng, chẳng còn nữa, vãng sanh như vậy đó! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo, địa vị này bằng với quả vị Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa.

Pháp môn này được gọi là pháp môn Nhị Lực, bản thân chúng ta niệm Phật, niệm đến mức công phu thành phiến, niệm đến mức dùng câu Phật hiệu trừ sạch vọng tưởng, chấp trước. [Nói là] "niệm trừ sạch" chẳng phải là thật sự đoạn hết mà là [niệm đến mức khiến cho] vọng tưởng, chấp trước chẳng thể khởi tác dụng. Ta niệm A Di Đà Phật, câu nọ gối lên câu

kia, vọng tưởng, chấp trước chẳng xen vào được, đó là chẳng xen tạp. Vì thế, công phu phải là chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Phiền não có đoạn hay không, chẳng cần quan tâm đến, không khẩn yếu, chỉ cần chúng ta đạt được công phu chẳng gián đoạn, không xen tạp là được rồi, những món phiền não như vậy chẳng thể khởi lên hiện hành, khi vãng sanh thì mới nắm chắc. Phật đến tiếp dẫn, Phật quang chiếu gội, đó là Phật lực gia trì, nâng công phu chúng ta lên tới địa vị Sơ Tín. Ba tư lương, thứ nhất là Tín, [tức là Tín trong] Tín, Nguyện, Hạnh! Chẳng phải là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín, làm sao có thể vãng sanh cho được? Do đó, tín tâm phải thanh tịnh, tín tâm phải kiên cố!

Tu hành trong thế gian này, nhất là trong giai đoạn hiện thời, rất khó khăn! Chính mình nhất định phải có chủ tể, phải nắm vững. Chủ tể là gì? Chẳng bị kẻ khác lừa gạt! Hiện thời, trong thế gian này, kẻ lừa gạt rất nhiều; đúng là người hiện thời nghe lừa, chẳng nghe khuyên, khuyên họ hãy siêng năng niệm Phật, họ chẳng nghe. Lừa họ làm gì đó, họ lập tức làm ngay! Đó là mê hoặc, điên đảo! Trong kinh luận, đức Phật đã buốt lòng rát miệng khuyên bảo chúng ta, chúng ta chẳng nghe, cứ thích nghe những lời đồn thổi bên ngoài, bó tay! Đó là nghiệp chướng sâu nặng! Học Phật thì phải ghi nhớ, hãy *"y pháp, bất y nhân"*! Pháp là gì? Kinh điển. Trong hết thảy các pháp, chúng ta chọn lựa kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà, kinh Di Đà có Sớ Sao và Yếu Giải, ba bộ ấy là chỗ quy y chân thật của chúng ta. Một đời này có thể dựa vào ba bộ ấy, chẳng có ai không liễu sanh tử, chẳng có ai không vãng sanh, chẳng cần phải làm gì khác. Đó mới là thật sự trọn đủ tín tâm, tín tâm thanh tịnh. Kinh Kim Cang nói: *"Tín tâm thanh tịnh, tắc sanh Thật Tướng"* (Tín tâm thanh tịnh, bèn sanh Thật Tướng). Thật Tướng là bản tánh, *"tắc sanh Thật Tướng"* là kiến tánh. Tín tâm thanh tịnh bèn kiến tánh. Do vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thảy đều chứng quả. Tiểu Thừa là Sơ Quả, còn trong pháp Đại Thừa sẽ là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo.

"Dĩ chí địa tận" (Cho đến hết các địa vị thuộc về Thập Địa Bồ Tát), Địa (地) là Địa Thượng Bồ Tát (đã chứng từ Sơ Địa trở lên). Đến hết các địa vị thuộc Địa Thượng Bồ Tát, sẽ là Đẳng Giác Bồ Tát. *"Tùng sơ tâm dĩ chí địa tận"* chính là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói trong kinh Lăng Nghiêm: *"Dữ ngũ thập nhị đồng luân"* (Cùng với những người thuộc năm mươi hai địa vị cùng hàng), *"đồng luân"* (同倫) là đồng chí, [tức là] chí đồng đạo hợp. *"Năm mươi hai"* ở đây là từ sơ tâm cho đến hết Thập Địa, đạt đến Đẳng Giác là năm mươi mốt địa vị, lại lên cao hơn là Diệu Giác, Diệu Giác bèn thành Phật, gồm năm mươi hai địa vị. "Năm mươi hai

người ấy" chẳng phải là chỉ có năm mươi hai người, mà là năm mươi hai loại, đều nương theo kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà, đều niệm một câu A Di Đà Phật mà thành tựu. *"Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai"*, nghĩa là các Ngài chẳng cần đến những pháp môn khác, chỉ trơ trọi một câu A Di Đà Phật, từ sơ phát tâm cho đến viên thành Phật đạo, chẳng cần dùng phương pháp thứ hai, nên Ngài là tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông! Chư vị phải ghi nhớ: Đại Thế Chí Bồ Tát là tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông là nói theo phương diện nào? Nói theo toàn thể pháp giới. Tận hư không khắp pháp giới, đối với pháp môn Niệm Phật, Ngài là bậc nhất, chẳng ai vượt trội Ngài. Trong thế giới Sa Bà, vị tổ sư đầu tiên đề xướng pháp môn Niệm Phật là ai? Phổ Hiền Bồ Tát. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, bộ kinh được giảng đầu tiên là Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Vì thế, đề xướng pháp môn Niệm Phật [trong thế giới Sa Bà] là Phổ Hiền Bồ Tát. Tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông trong thế giới Sa Bà là Phổ Hiền Bồ Tát. Tại Trung Hoa, tổ sư đời thứ nhất đề xướng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là Huệ Viễn đại sư. Đối với tổ sư đời thứ nhất, cả ba vị đều là đời thứ nhất, một là đời thứ nhất trong pháp giới, vị kia là đời thứ nhất trong Sa Bà, vị cuối cùng là đời thứ nhất tại Trung Hoa.

Số lượng nhiều đến nỗi chẳng có cách nào tính toán, *"tiền như giáo khởi trung biện"* [nghĩa là] trong phần Giáo Khởi Nhân Duyên trước kia đã nói rất cặn kẽ, trong phần sau đến đoạn Bổ Xứ Bồ Tát sẽ lại giảng, sẽ lại thuật bày, giới thiệu những vị Bồ Tát đó. *"Thậm đa vô lượng, hà khả sổ kế"* (Rất nhiều vô lượng, làm sao có thể tính đếm cho được). Số lượng Bồ Tát nhiều quá, chẳng có cách nào tính toán!

(Sao) Công đức giả, Đại Bổn Phật tán bỉ quốc Bồ Tát chủng chủng công đức, vi nhị thập tam dụ.

(鈔)功德者，大本佛讚彼國菩薩種種功德，為二十三喻。

*(**Sao**: "Công đức" là như trong kinh Đại Bổn, để tán thán các thứ công đức của hàng Bồ Tát cõi ấy, đức Phật đã dùng hai mươi ba tỷ dụ).*

Ở đây nói là *"hai mươi ba tỷ dụ"*, nhưng chương Chân Thật Công Đức trong bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư chẳng có hai mươi ba tỷ dụ, chỉ có mười mấy tỷ dụ. Hai mươi ba tỷ dụ ở chỗ nào? Trong Đại A Di Đà Kinh của ông Vương Long Thư! Xác thực là Liên Trì đại sư đã trích dẫn từ bản của Vương Long Thư. Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ, lão

cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: Trong Sớ Sao, [khi dẫn kinh Đại Bổn], quá nửa là Liên Trì đại sư đã trích dẫn từ bản của ông Vương Long Thư, cụ nêu ra sự thật này cũng nhằm chứng tỏ việc hội tập rất quan trọng. Vì có những người có thành kiến đối với chuyện hội tập, Liên Trì đại sư là bậc tổ sư của cả một thế hệ, trước tác Sớ Sao đã trích dẫn [bản hội tập của Vương Long Thư] rất nhiều, có thể thấy là Ngài hoàn toàn chẳng phản đối bản hội tập. Ở đây, nêu đại lược mấy thứ, chẳng hoàn toàn nêu trọn, nhằm tán thán công đức của Bồ Tát. Thứ nhất…

(Sao) Nhất, kiên cố bất động, như Tu Di sơn.
(鈔) 一、堅固不動，如須彌山。
*(**Sao**: Một là kiên cố bất động như núi Tu Di).*

Nói thật ra, các công đức do những vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đã thành tựu cũng là thành tựu trong tương lai của chúng ta. Chúng ta muốn tương lai đạt thành tựu, mà nếu hiện tại chẳng tu, lấy đâu ra thành tựu? Hiện tại phải tu, chẳng thể hoàn toàn dựa vào sự gia trì của A Di Đà Phật. Nếu bản thân quý vị chẳng có chút gì, A Di Đà Phật có muốn gia trì cũng chẳng gia trì được! Quý vị phải có đôi chút, A Di Đà Phật mới có thể gia trì. Trong phần trước, chúng tôi cũng thường nhắc nhở ý nghĩa này, Phật Di Đà gia trì là gia trì tương đối, [nghĩa là] chúng ta có một phần sức mạnh thì Ngài gia trì cho chúng ta một phần, chúng ta có hai phần sức mạnh thì sẽ được Ngài gia trì hai phần. Ví như chúng ta niệm Phật đến mức công phu thành phiến, nếu chưa đến mức ấy, A Di Đà Phật chẳng gia trì được, chẳng gia trì sẽ không thể vãng sanh. Vì lẽ đó, người niệm Phật rất nhiều, một vạn người niệm Phật, khó được dăm ba kẻ vãng sanh, do nguyên nhân nào? Do chính quý vị niệm Phật chẳng đủ công phu, Phật lực chẳng thể gia trì được! Ắt là quý vị phải đạt tới một tiêu chuẩn thì Ngài mới có thể gia trì. Bản thân chúng ta niệm đến mức công phu thành phiến, tức là một câu Phật hiệu thật sự có thể chế phục phiền não, khi Ngài đến tiếp dẫn, do Phật lực gia trì, sẽ khiến cho công phu thành phiến được nâng cao lên thành nhất tâm bất loạn.

La Thập đại sư dịch kinh Di Đà chẳng sai! Quả thật là "nhất tâm bất loạn", nhưng chẳng phải là chúng ta chứng đắc nhất tâm bất loạn trong một đời này, mà là do thần lực của Phật Di Đà gia trì, khi vãng sanh xác thực là nhất tâm bất loạn. Nếu không, làm sao có thể dự vào địa vị Bồ Tát? Vì quý vị đến nơi đó, nhất định là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Chẳng thể nào không đạt đến địa vị Sơ Tín! [Nếu chẳng đạt], sẽ chẳng có

tư cách đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sơ Tín vị Bồ Tát là hạ phẩm nhất tâm bất loạn, vì Tín vị có tất cả mười địa vị, từ Sơ Tín, Nhị Tín, Tam Tín cho đến địa vị Thất Tín là Sự nhất tâm viên mãn. Lên cao hơn, Sơ Trụ là Lý nhất tâm bất loạn.

Do vậy có thể biết, chúng ta niệm Phật, trong tâm chớ nên dễ ngươi. Chẳng đạt đến công phu thành phiến, chẳng thể vãng sanh. Nhất định phải đoạn phiền não, nhất định phải tu tập tích lũy công đức. Công đức là gì? Công đức khác với phước đức. Nay chúng ta bỏ ra tiền bạc đến khắp nơi bố thí, làm chuyện tốt đẹp. Đó là tu phước, tu phước chẳng thể vãng sanh. Vãng sanh cần đến công đức, công đức là gì? Tâm thanh tịnh. Có phải là phiền não thật sự giảm bớt hay không? Vọng niệm có ít đi hay không? Phiền não vọng niệm mỗi ngày ít hơn, đó là công đức. Nhớ Phật, niệm Phật chẳng gián đoạn, đó là công đức. Vì thế, *"chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp"* trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác. Gián đoạn và xen tạp thì lại phải luân hồi trong lục đạo, quý vị nói còn làm sao được nữa!

Chúng ta liễu giải chân tướng sự thật này, phải học theo Bồ Tát *"kiên cố bất động"*. Tín tâm kiên cố, nguyện tâm kiên cố, sẽ quyết định có thể vãng sanh. Không chỉ là pháp thế gian phải buông xuống, mà pháp xuất thế gian cũng phải buông xuống. Ngàn kinh vạn luận đều phải buông xuống. Các kinh điển có tác dụng khiến cho kẻ chẳng tin sẽ sanh khởi lòng tin, nên họ dùng các kinh ấy. Chúng ta là những kẻ đã tin, chẳng cần đến nữa! Hiện thời, tại đạo tràng do chúng tôi đã lập ở bên Mỹ, gần đây nhất tôi mua bốn bộ Đại Tạng Kinh; ở bên đó, chúng tôi đã có hai bộ. Ở giảng đường bên đó, chính chúng tôi có in một bộ Đại Tạng Kinh, cho nên có tất cả bảy bộ Đại Tạng Kinh, phiên bản khác nhau, tôi vẫn đang tiếp tục thâu thập. Không chỉ thâu thập Đại Tạng Kinh, tôi còn thâu thập Tứ Khố Toàn Thư, mua cả đống sách, rốt cuộc để làm gì? Để làm cho kẻ khác giác ngộ, chẳng phải là để cho chính mình sử dụng! Nhường cho người khác, nhưng họ lại chẳng ngộ được, cho nên chúng ta vẫn phải giúp họ khai ngộ, phải giới thiệu cặn kẽ những thứ ấy với người ngoại quốc.

Chúng tôi làm công tác này, trước hết là khiến cho người ngoại quốc ngộ, khiến cho người ngoại quốc hoan hỷ, sau đấy mới dần dần đem những tài liệu giáo dục ấy chuyển đến Đại Lục để độ người Trung Quốc, đi một vòng lớn như vậy, dạy người ngoại quốc trước! Vì thế, toàn tâm toàn lực làm công tác này. Công tác này là bỏ mình vì người, kinh Địa Tạng có nói: *"Ta chẳng vào địa ngục, ai sẽ vào địa ngục?"* Hy sinh phẩm vị vãng sanh của chính mình để giúp đỡ người khác, nhưng sự hy sinh ấy có hạn độ, tức là hạ hạ phẩm vãng sanh, là Sơ Tín, chúng ta nhất định phải

làm được điều này. Chớ nên làm đến nỗi chính mình chẳng thể vãng sanh, vậy là không được rồi, chớ nên!

Trí Giả đại sư suốt đời hoằng pháp lợi sanh, Ngài là tổ sư của tông Thiên Thai. Khi vãng sanh, học trò hỏi Ngài thuộc phẩm vị nào, Ngài đáp: *"Nếu ta chẳng lãnh chúng, cũng chẳng giảng kinh, thuyết pháp, chẳng làm những chuyện phụ thuộc, xen tạp, sẽ là thượng thượng phẩm vãng sanh. Vì lãnh chúng, hoằng pháp lợi sanh, nên chỉ vãng sanh trong địa vị Ngũ Phẩm".* Đấy là hy sinh phẩm vị vãng sanh của chính mình! Đáng giá lắm! Vì sao? Hy sinh phẩm vị vãng sanh của chính mình để giúp nhiều người vãng sanh. Do vậy, Bồ Tát phát tâm lợi ích chúng sanh, chẳng nhằm cầu lợi ích cho chính mình, chỉ cần chính mình có thể vãng sanh, hạ hạ phẩm là được rồi! Vì lẽ đó, tín tâm, nguyện tâm và sự chấp trì danh hiệu của chúng ta phải là kiên cố bất động như núi Tu Di!

(Sao) Nhị, trí huệ minh liễu, như minh nhật nguyệt.
(鈔) 二、智慧明了，如明日月。
*(**Sao**: Hai là trí huệ sáng tỏ, như mặt trời, mặt trăng chiếu sáng).*

Pháp môn có thể nói là trí huệ bậc nhất. Cớ sao nói là trí huệ bậc nhất? Trong hết thảy các vị Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát trí huệ bậc nhất, Ngài tuyển chọn pháp môn này. Phổ Hiền Bồ Tát đại hạnh bậc nhất, nguyện hạnh bậc nhất, Ngài cũng tuyển chọn pháp môn này. Đối với pháp môn được chọn lựa bởi đại trí, đại nguyện, đại hạnh, nay chúng ta cũng khăng khăng một dạ chọn lựa pháp môn này, quý vị chẳng phải là đại trí huệ, đại nguyện, đại hạnh thì là gì? Quý vị là những nhân vật bậc nhất như Văn Thù, Phổ Hiền, tuyệt vời thay! Thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Nếu chẳng phải là đại trí huệ, sẽ chẳng thể tin tưởng pháp môn này. Vì vậy, pháp môn này được gọi là pháp khó tin. Trong sự biểu thị pháp của kinh này, Tiểu Thừa là Xá Lợi Phất, Đại Thừa là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, đều là trí huệ bậc nhất thì mới chọn lựa pháp môn này.

(Sao) Tam, quảng đại như hải, xuất công đức bảo cố.
(鈔) 三、廣大如海，出功德寶故。
*(**Sao**: Ba là rộng lớn như biển vì sanh ra của báu công đức).*

Trí huệ tỷ dụ Văn Thù, *"quảng đại như hải"* là tỷ dụ Phổ Hiền. Phổ Hiền Bồ Tát đại nguyện đại hạnh, *"tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*, chúng ta phải học điều này. Tâm lượng phải rộng lớn, phải biết thời gian

chúng ta ở trong thế gian này rất ngắn ngủi, tạm bợ, phải biết trong thế gian này thứ gì cũng đều là giả, thứ gì cũng chẳng mang theo được! Người thật sự niệm Phật, tùy duyên sống qua ngày trong thế gian này là được rồi, chớ nên so đo, chớ nên tranh chấp, nhất tâm nhất ý niệm Phật, vài hôm nữa chúng ta đến thế giới Cực Lạc. Chẳng có tâm lượng như vậy thì cũng là chướng ngại rất lớn. Trong thế gian này, trong tâm bỏ sạch hết thảy các pháp. Hết thảy các pháp nhằm lợi ích chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, giúp họ học Phật, giúp họ niệm Phật, chúng ta có thể tận tâm tận lực công đức viên mãn.

Hiện thời, đạo tràng của chúng ta tuy nhỏ, nhưng công đức xác thực là niệm niệm viên mãn, vì sao? Tâm và lực đều dốc trọn hết. Chúng ta có mười phần năng lực, chỉ dùng chín phần, đó là chẳng viên mãn; nay chúng ta tâm lẫn lực thảy đều trọn hết. Đó là đúng pháp, tâm địa thanh tịnh. Có đồng tu nói với tôi, những đạo tràng khác đều cậy tín đồ đi hóa duyên, đi quyên mộ, làm đủ thứ chuyện tốt. Thưa cùng chư vị, công đức ấy chẳng viên mãn, vì sao? Quý vị hãy nghĩ tới Bàng cư sĩ thuở trước. Bàng cư sĩ là bậc Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phàm nhân. Trong Lục Tổ Đàn Kinh có lời thọ ký, nói sau này sẽ có hai vị đại Bồ Tát xuất hiện trong thế gian này để chấn hưng Tông Môn một lần nữa. Bàng cư sĩ là một trong hai vị đại Bồ Tát ấy, Ngài dạy chúng ta một câu: *"Chuyện tốt chẳng bằng vô sự"*. Vì sao thế giới hiện thời loạn như thế? Người tốt quá nhiều, chuyện tốt quá nhiều! Mỗi một người tốt đều làm chuyện tốt, khiến cho thiên hạ đại loạn. Vì thế, chuyện gì là chuyện tốt thật sự? Vô sự là chuyện tốt. Có những đồng tu đưa tiền đến đây, chúng ta chẳng có cách nào khác, phải thay họ làm chuyện tốt. Nếu họ không đưa tới, chúng ta chẳng làm, chẳng phải là càng tốt hơn ư? Hai đạo tràng của chúng ta đều tuân theo nguyên tắc này, Giản cư sĩ ở bên đó đã một đôi lần nói chuyện thật lâu với tôi, tôi bảo ông ta hãy vĩnh viễn giữ gìn một nguyên tắc: Mỗi tháng thâu vào nhiều liền làm nhiều, thâu ít làm ít, không ai tặng tiền thì không làm, tự tại lắm! Tuyệt đối đừng nên đi hóa duyên, tuyệt đối đừng hỏi xin tiền người khác, đó là phan duyên, chẳng phải là tùy duyên. Có người tặng tiền nhiều, chúng ta làm nhiều chuyện tốt, chúng sanh có phước, chúng ta nhọc nhằn. Không ai tặng tiền, chúng sanh chẳng có phước, chúng ta tự tại thanh tịnh, chúng ta chẳng có chuyện gì! Vì thế, tùy duyên, đừng phan duyên, thân tâm chẳng có gánh nặng, sung sướng lắm! Thân tâm chẳng có vướng mắc!

Ở đây là xuất sanh vô lượng vô biên công đức bảo, công đức bảo tạng sanh từ nơi đây. Vì thế, tâm lượng phải rộng lớn, chớ nên có giới hạn, chớ nên có phân biệt, chớ nên có chấp trước, thanh tịnh, bình đẳng, giác

chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh mà chẳng nhiễm, giác, chánh, tịnh, đó là Tam Bảo! Đấy là *"xuất công đức bảo"*, Tam Bảo xuất sanh. Có Tam Bảo chính là sanh ra vô lượng vô biên công đức bảo tạng. Của báu thật sự chính là điều này, chư vị phải ghi nhớ. Trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ có nói "thanh tịnh, bình đẳng, giác", đó là Tam Bảo! Trong cuộc sống, chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, tu gì? Tu Tam Bảo. Nhưng tâm lượng nhỏ hẹp thì Tam Bảo chẳng thể xuất hiện; dẫu có, chẳng thể hiển lộ! Ắt phải là tâm lượng quảng đại, bỏ sạch vọng tưởng, chấp trước, Tự Tánh Tam Bảo sẽ hiển lộ. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.